

Số: /SNN-TTBVTV
V/v kế hoạch sản xuất
vụ Đông Xuân 2024 - 2025

Bình Thuận, ngày tháng 11 năm 2024

Kính gửi:

- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;
- Chi cục Thủy lợi;
- Trung tâm Khuyến nông;
- Trung tâm Giống Nông nghiệp;
- Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Bình Thuận.

Theo nhận định của Trung tâm Dự báo Khí tượng thủy văn quốc gia, từ tháng 11/2024 đến tháng 01/2025 hiện tượng ENSO có khả năng chuyển sang trạng thái La Nina với xác suất 60-70%; từ tháng 2 – 4/2025, hiện tượng ENSO duy trì trạng thái La Nina yếu với xác suất khoảng từ 50 – 60%. Tổng lượng mưa tháng 11/2024 phổ biến cao hơn so với TBNN từ 10 - 30%; tháng 12/2024 cao hơn TBNN 15 – 30 mm; tháng 01/2025 phổ biến 50 - 150 mm (ở ngưỡng xấp xỉ so với TBNN); tháng 02/2025 ít mưa với tổng lượng mưa phổ biến từ 5 - 15 mm; tháng 3 - 4/2024 phổ biến từ 20 - 80 mm (xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ).

Theo báo cáo của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Bình Thuận, đến ngày 17/11/2024, dung tích hữu ích hiện tại trên 19 hồ đập của tỉnh là 322,81 triệu m³/ 364 triệu m³, đạt 88,60% so với dung tích hữu ích thiết kế (*thấp hơn cùng kỳ 6,19 triệu m³*), Hồ chứa Đại Ninh 194,03 triệu m³/ 251,73 triệu m³, đạt 77,08% so với dung tích hữu ích thiết kế (*thấp hơn cùng kỳ 44,82 triệu m³*), Hồ chứa Hàm Thuận 495,35 triệu m³/ 522,5 triệu m³, đạt 94,80% so với dung tích hữu ích thiết kế (*thấp hơn cùng kỳ 24,28 triệu m³*). Vì vậy việc cấp nước phục vụ sản xuất vụ Đông Xuân 2024 – 2025 khá thuận lợi.

Để đảm bảo thắng lợi kế hoạch sản xuất vụ Đông Xuân 2024 - 2025, các địa phương cần phải nắm chắc diễn biến tình hình thời tiết, lượng nước tại các hồ chứa trên địa bàn, có kế hoạch cân đối nguồn nước để bố trí sản xuất đạt hiệu quả cao nhất. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng kế hoạch sản xuất vụ Đông Xuân 2024 – 2025 trên địa bàn tỉnh như sau:

I. Kế hoạch gieo trồng

Tổng diện tích gieo trồng cây hằng năm vụ Đông Xuân 2024 – 2025 là **49.410 ha**; trong đó cây lương thực **41.960 ha** (lúa 39.250 ha, bắp 2.710 ha), sản lượng lương thực **289.377 tấn** (lúa 268.025 tấn, bắp 21.352 tấn).

*(Bảng kế hoạch gieo trồng vụ Đông Xuân 2024 – 2025
tài phụ lục đính kèm theo công văn này)*

II. Cơ cấu giống và thời vụ

1. Cơ cấu giống

a) Giống lúa:

Các giống lúa được phép sản xuất đại trà: các giống lúa của Trung tâm Giống Nông nghiệp Bình Thuận (ML 48, ML 202, ML214, Đài Thơm 8, BDR79, OM 4900, OM 5451,...), các giống lúa của Viện lúa đồng bằng Sông Cửu Long và các giống lúa của các tổ chức, cá nhân khác được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận giống cây trồng chính thức, phù hợp với vùng sinh thái của tỉnh Bình Thuận.

Mỗi vùng nên bố trí 2 – 4 giống chủ lực, mỗi giống chiếm từ 20 - 25% tổng diện tích gieo trồng; tùy theo điều kiện thực tế các giống đang canh tác tại các địa phương, khả năng cung ứng giống, điều kiện đất đai, khí tượng thủy văn của từng tiểu vùng mà xác định các giống lúa thích hợp.

b) Giống bắp: các giống bắp được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận giống cây trồng chính thức, phù hợp với vùng sinh thái của tỉnh Bình Thuận như: PAC 669, PAC 999 super, CP512, CP 811, NK 67, SSC 131...

2. Thời vụ gieo trồng

- Khung thời vụ chung trên địa bàn toàn tỉnh là từ ngày 05/12/2024 đến 05/02/2025; tập trung xuống giống trong thời gian từ 15/12/2024 đến 15/01/2025.

Trong đó, các địa phương cần lưu ý các nội dung sau:

- Trên cơ sở khung thời vụ nêu trên; tùy theo tình hình thực tế của địa phương để xây dựng cụ thể lịch thời vụ gieo trồng cho phù hợp.

- Phải bảo đảm thời gian cách ly giữa hai vụ lúa, tối thiểu là 3 tuần.

- Tùy theo điều kiện nguồn nước, dự báo rầy nâu di trú của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật để triển khai xuống giống tập trung, đồng loạt, né rầy cho từng khu vực, từng cánh đồng. Vì vậy, các địa phương cần theo dõi chặt chẽ thời gian di trú của rầy nâu và đỉnh cao rầy nâu vào đèn để xác định lịch xuống giống cụ thể tại địa phương để né rầy.

III. Các nội dung cần lưu ý trong sản xuất vụ Đông Xuân 2024 – 2025

1. Đối với sản xuất lúa và các cây hàng năm khác

- Các địa phương cần tập trung rà soát, bố trí thời vụ xuống giống và cơ cấu giống lúa phù hợp với tình hình từng thời điểm, từng địa bàn; đồng thời nắm chắc tình hình thời tiết, theo dõi chặt chẽ nguồn nước để xây dựng kế hoạch sản xuất, có phương án điều tiết cấp thoát nước, sử dụng nước phù hợp cho sản xuất.

- Khuyến cáo nông dân sử dụng giống lúa xác nhận để gieo trồng nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm; ưu tiên sử dụng các giống lúa chất lượng cao, có thời gian sinh trưởng từ 90 – 105 ngày.

- Lượng giống lúa gieo phải đảm bảo mật độ khuyến cáo là từ 120 - 150 kg/ ha, không gieo dày trên 150 kg/ ha để dễ quản lý sâu bệnh hại và bón phân cân đối (bón đậm vừa phải, tăng cường thêm kali, lân; áp dụng mô hình 3 giảm 3 tăng, 1 phải 5 giảm, SRI, nông - lộ - phơi... để tiết kiệm nước), tăng cường sử dụng các loại phân hữu cơ.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc cung ứng giống, vật tư nông nghiệp để phục vụ cho sản xuất vụ Đông Xuân 2024 – 2025 được thuận lợi.

- Bám sát đồng ruộng, theo dõi, dự tính dự báo để chỉ đạo sản xuất; có phương án đối phó và chủ động tổ chức phòng chống dịch, xử lý kịp thời không để sâu bệnh hại phát sinh trên diện rộng và hướng dẫn cho nông dân tổ chức phòng trừ sâu bệnh có hiệu quả. Đặc biệt, tăng cường công tác theo dõi tình hình sâu keo mùa thu, bệnh khảm lá gây hại trên cây khoai mì, để kịp thời đề xuất các biện pháp hạn chế thiệt hại đến mức thấp nhất cho bà con nông dân.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống thủy lợi, cải tạo, nâng cấp thủy lợi nội đồng để chủ động tích trữ nước khi vào mùa khô hạn; tăng cường công tác tiếp nhận thông tin và dự báo đến nông dân những diễn biến của tình hình khí tượng, thủy văn ảnh hưởng đến sản xuất.

- Nghiên cứu chỉ đạo thực hiện xây dựng cánh đồng lớn cả về diện tích, số lượng, hình thức hợp tác để tiến tới xây dựng vùng nguyên liệu ổn định, gắn sản xuất với tiêu thụ, nâng cao giá trị của sản phẩm.

2. Đối với sản xuất cây lâu năm

- Rà soát tình hình sản xuất cây lâu năm trên địa bàn, từ đó đưa ra các giải pháp phát triển bền vững, khuyến cáo không phát triển thêm diện tích trồng mới mà tập trung vào thâm canh, chăm sóc cây trồng, nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo an toàn thực phẩm.

- Tăng cường công tác chỉ đạo sản xuất, dự tính dự báo tình hình sâu bệnh hại; nắm chắc diễn biến của khí hậu thời tiết, biến đổi khí hậu để có giải pháp ứng phó kịp thời. Chỉ đạo tái canh, thâm canh điều bằng giống mới được công nhận và phù hợp với địa phương; quản lý dịch hại trên cây hồ tiêu, nhất là bệnh chết nhanh, chết chậm.

- Tiếp tục áp dụng các tiến bộ kỹ thuật để chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh hại; chú trọng đến chất lượng, an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm trái cây.

- Đối với cây thanh long, tăng cường vệ sinh đồng ruộng, bón phân cân đối và tập trung tiêu hủy nguồn bệnh để hạn chế thấp nhất bệnh đốm nâu trên thanh long; Tiếp tục tuyên truyền, hướng dẫn nông dân để đẩy mạnh công tác cấp chứng nhận VietGAP trên địa bàn toàn Tỉnh. Đặc biệt, Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp tục tập trung chỉ đạo, hướng dẫn người dân các biện pháp phòng trừ bệnh đốm nâu trên cây thanh long.

- Đẩy mạnh sản xuất theo chuỗi liên kết với doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu để bao tiêu sản phẩm, hình thành vùng sản xuất hàng hóa lớn mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn.

IV. Tổ chức chỉ đạo, thực hiện

1. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

Đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tập trung rà soát, bố trí thời vụ xuống giống và cơ cấu giống lúa phù hợp với tình hình từng thời điểm, từng địa bàn; đồng thời nắm chắc tình hình thời tiết, theo dõi chặt chẽ nguồn nước để xây dựng kế hoạch sản xuất, có phương án điều tiết cấp thoát nước, sử dụng nước phù hợp cho sản xuất; đồng thời, chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, địa phương có liên quan trên địa bàn tổ chức triển khai các nội dung:

- Tăng cường cử cán bộ kỹ thuật xuống cơ sở, thường xuyên theo dõi tình hình sản xuất, triển khai có hiệu quả, kịp thời các biện pháp phòng chống sâu bệnh cho cây trồng để đảm bảo năng suất, chất lượng sản phẩm.

- Tổ chức vận động, hướng dẫn nhân dân thực hiện các biện pháp tưới tiết kiệm nước; phối hợp với đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tổ chức quản lý, bảo vệ chặt chẽ nguồn nước, tránh thất thoát, lãng phí, sử dụng nguồn nước tiết kiệm, hiệu quả.

- Tổ chức triển khai, nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả, tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng để tăng thu nhập cho nông dân.

- Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra chất lượng giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và vật tư nông nghiệp khác để phục vụ tốt hơn cho sản xuất nông nghiệp tại địa phương mình.

- Tăng cường công tác kêu gọi đầu tư và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các doanh nghiệp trong tỉnh, ngoài tỉnh tham gia liên kết với các tổ chức nông dân để đẩy mạnh phát triển chương trình liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản.

2. Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Bình Thuận

- Triển khai gia cố hồ đập, tu sửa kênh mương, kiểm tra hệ thống đê bao...; điều tiết, cân đối nguồn nước hợp lý để phục vụ sản xuất.

- Chỉ đạo các Chi nhánh Công ty thường xuyên kiểm tra, điều tiết, cân đối nguồn nước các hồ chứa để đảm bảo cấp nước suốt vụ Đông Xuân 2024 – 2025.

3. Trung tâm Khuyến nông

- Tiếp tục chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật về sản xuất theo hướng bền vững, thâm canh, tăng năng suất, chất lượng sản phẩm nông nghiệp; phổ biến hướng dẫn kỹ thuật chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa kém hiệu quả; hướng dẫn nông dân sử dụng bón phân cân đối, hợp lý.

- Hướng dẫn nông dân sử dụng phân bón tiết kiệm, cân đối, hiệu quả, đảm bảo thời gian cách ly khi sử dụng thuốc bảo vệ thực vật; không nên lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật, bón thừa phân đạm...

- Phối hợp với các địa phương, đơn vị có liên quan vận động, tuyên truyền, khuyến cáo, hướng dẫn, tư vấn cho bà con nông dân thực hiện sản xuất đảm bảo an toàn thực phẩm trên rau, quả, lúa, thanh long, ...

4. Trung tâm Giống Nông nghiệp

Có kế hoạch tổ chức triển khai cung ứng giống nông nghiệp đảm bảo phục vụ cho sản xuất theo kế hoạch; hướng dẫn, chuyển giao cho các tổ chức, cá nhân quy trình sản xuất lúa giống xác nhận để đẩy mạnh công tác xã hội hoá giống lúa trên địa bàn tỉnh; Đồng thời, phối hợp Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Trung tâm Khuyến nông hướng dẫn nông dân ứng dụng có hiệu quả các giống giống cây trồng, đặc biệt là giống lúa mới kháng rầy, có năng suất, chất lượng cao đưa vào sản xuất cho các địa phương trong tỉnh.

5. Chi cục Thủy Lợi

- Chủ động làm việc với các cơ quan, địa phương có liên quan để tham mưu giám đốc Sở công tác chỉ đạo, điều hành đảm bảo nguồn nước phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp năm 2025.

- Phổ biến các giải pháp sử dụng nước tiết kiệm, tưới tiên tiến cho cây lúa và cây trồng cạn như: SRI, nông – lộ - phơi, nhỏ giọt, phun mưa để phổ biến đến các địa phương áp dụng thực hiện.

6. Chỉ cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

- Tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện, đánh giá kế hoạch sản xuất trồng trọt hàng năm, hàng vụ của địa phương; hướng dẫn, kiểm tra, xây dựng, thực hiện kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, cơ cấu giống theo mùa vụ, thời vụ sản xuất trên địa bàn.

- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn có liên quan của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã bố trí cán bộ kỹ thuật bám sát đồng ruộng, theo dõi chặt chẽ tình hình diễn biến rầy nâu, đốm nâu trên thanh long, sâu keo mùa thu, bệnh khảm lá mì...và tăng cường công tác dự tính, dự báo sát với tình hình sâu bệnh hại nhằm tham mưu kịp thời các phương án xử lý khi có dịch bệnh xảy ra.

- Hướng dẫn bà con nông dân sử dụng thuốc bảo vệ thực vật theo nguyên tắc “4 đúng”, không lạm dụng thuốc trong thời gian cây lúa còn non, không phun thuốc phòng trừ rầy tràn lan, chưa thật cần thiết để tránh trường hợp rầy bọ phát về sau; chú ý các đợt rầy di trú, bệnh đạo ôn... để có biện pháp phòng trừ kịp thời, hiệu quả.

- Tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh việc chuyển giao ứng dụng mô hình “3 giảm 3 tăng”; “1 phải, 5 giảm” trong canh tác lúa ra diện rộng.

- Tăng cường công tác kiểm tra đối với các đại lý kinh doanh thuốc BVTV, phân bón, giống trên địa bàn toàn tỉnh để đảm bảo chất lượng vật tư nông nghiệp phục vụ sản xuất.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quan tâm chỉ đạo, triển khai sản xuất vụ Đông Xuân 2024 – 2025 thắng lợi và yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị thuộc Sở căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình, chủ động triển khai tốt các nhiệm vụ đã được phân công./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Trồng trọt;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- UBND tỉnh;
- Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện;
- Phòng Kinh tế: Phan Thiết, La Gi;
- Phòng KTTC Phú Quý;
- Ban GD Sở (đ/c Chiến, đ/c Phước, đ/c Tấn);
- Lưu: VT, TTBVTV, Huy.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phan Văn Tấn

Phụ lục: KẾ HOẠCH SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG XUÂN 2024 - 2025

(Kèm theo Công văn số /SNN-TTBVT ngày /11/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bình Thuận)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Toàn tỉnh		Chia ra									
		TH 23-24	KH 24-25	Tuy Phong	Bắc Bình	HT. Bắc	HT. Nam	Tx LaGi	Hàm Tân	Đức Linh	Tánh Linh	Phan Thiêt	Phú Quý
Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm	Ha	51,563	49,410	2,350	14,170	8,815	1,100	790	2,070	8,600	11,480	30	5
1/ Cây lương thực	Ha	42,840	41,960	2,100	12,950	7,915	570	480	235	7,950	9,760	0	0
Sản lượng lương thực	Tấn	294,119	289,377	14,385	87,874	48,504	3,331	2,350	1,210	57,615	74,110	0	0
* Lúa D.T	Ha	39,960	39,250	2,100	12,100	7,850	440	410	200	7,300	8,850	0	0
N.S	Tạ/ha	67.80	68.29	68.50	67.60	61.30	57.50	48.60	49.80	71.00	75.00	-	-
S.L	Tấn	270,967	268,025	14,385	81,796	48,121	2,530	1,993	996	51,830	66,375		
* Cây bắp D.T	Ha	2,880	2,710		850	65	130	70	35	650	910		
N.S	Tạ/ha	80.40	78.79		72	59	62	51	61	89	85		-
S.L	Tấn	23,152	21,352	0	6,078	384	801	357	214	5,785	7,735		
2/ Cây có bột	Ha	1,583	1,460	0	20	10	0	110	1,310	10	0	0	0
* Cây Lang D.T	Ha	140	160		20	10		110	10	10			
N.S	Tạ/ha	62.3	73		65	70		75	61	75			
S.L	Tấn	872	1,161		130	70	0	825	61	75		0	
* Cây mì trái vụ	Ha	1,443	1,300						1,300				
3/ Cây thực phẩm	Ha	5,646	4,390	120	890	830	360	140	300	430	1,300	15	5
* Rau các loại D.T	Ha	2,811	2,550	100	350	690	130	100	250	210	700	15	5
N.S	Tạ/ha	99.4	91.7	90	85	86	70	95	90	110	100	90	50
S.L	Tấn	27,941	23,389	900	2,975	5,934	910	950	2,250	2,310	7,000	135	25
* Đậu các loại D.T	Ha	2,215	1,455	20	475	50	145	40	50	75	600		
N.S	Tạ/ha	11.2	9.4	7.0	8.5	9.0	9.0	6.0	6.0	9.0	11.0		
S.L	Tấn	2,481	1,375	14	404	45	131	24	30	68	660		
* Dưa các loại DT	Ha	620	385		65	90	85			145			
4/ Cây công nghiệp NN	Ha	1,185	1,200	120	210	50	150	50	60	160	400	0	0
* Đậu phụng D.T	Ha	1,118	1,170	120	200	50	150	50	50	160	390		
N.S	Tạ/ ha	23.6	19	19	19	19	15	12	14	20	22		
S.L	Tấn	2,638	2,236	228	380	95	225	60	70	320	858		
* Mè D.T	Ha	67	30		10				10		10		
N,S	Tạ/ ha	6.2	6.5		6				6		7		
S.L	Tấn	42	19.0		6	0			6		7		
5/ Cây hàng năm khác	Ha	309	400	10	100	10	20	10	165	50	20	15	